TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HS-ST
Ngày 10 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình và bà Hoàng Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 128/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 124/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với:

1. Lò Ánh D, sinh ngày: 29/10/1997 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn N và bà Lò Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay; có mặt.

2. Giàng A D1, sinh ngày: 01/01/1989 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản O, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A C (đã chết) và bà Thào Thị M; bị cáo có vợ là Sồng Thị P – sinh năm: 1999, có 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Giàng A G, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Bản O, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Giàng A S, sinh năm: 2001; nơi cư trú: Bản O, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Ánh D và Giàng A D1 có mối quan hệ quen biết và đều nghiện chất ma tuý. Khoảng 07 giờ ngày 23/02/2023, Lò Ánh D đi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết từ nhà đến lán nương của Giàng A D1 tại bản O, xã C, huyện M và cùng D1 đi bẫy chim. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì D và D1 quay về lán nương, D bảo D1 đi cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của D để lấy tiền đi mua ma tuý cùng nhau sử dụng, D1 đồng ý và điều khiển xe máy BKS 26D1 – 236.80 chở D đi đến nhà của Giàng A G. Khi đến nơi, D đưa chiếc điện thoại cho D1 để D1 cầm cố cho G nhưng G không đồng ý. Sau đó D1 hỏi vay được của G số tiền 50.000 đồng. Sau khi vay được tiền D1 điều khiển xe máy chở D đi tìm mua ma tuý. Đi được một đoạn, D1 bảo D xuống xe chờ, còn D1 một mình đi vào bản O, xã C thì gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết được 01 gói Heroine và 01 viên hồng phiến với giá 50.000 đồng. Sau khi mua được ma tuý, D1 đón D đi về lán nương của D1 rồi bỏ số ma tuý mua được trên mặt sàn gỗ của lán để cùng sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã C phối hợp với Đồn Biên phòng Cửa khẩu L đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nilon màu trắng bên trong đựng cục chất bột màu trắng nghi là Heroine; 01 gói nilon màu trắng bên trong đựng 01 viên nén màu hồng trên bề mặt có chữ WY nghi là Methamphetamine; 01 chiếc bật lửa màu xanh; 01 mảnh giấy bạc. Tạm giữ của Lò Ánh D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO; tạm giữ của Giàng A D1 01 chiếc xe máy BKS 26D1 – 236.80.

Ngày 23/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của Lò Ánh D và Giàng A D1 có khối lượng 0,1 gam, lấy toàn bộ làm mẫu giám định, mẫu có ký hiệu D1; 01 viên nén màu hồng có khối lượng 0,1 gam, lấy toàn bộ làm mẫu giám định, mẫu có ký hiệu D2.

Tại Kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 24/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu D1 là ma tuý, loại Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1 gam; Mẫu gửi giám định ký hiệu D2 là ma tuý, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,1 gam; Tổng khối lượng ma tuý thu giữ là 0,1 gam, loại Heroine và 0,1 gam, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố các bị can Lò Ánh D và Giàng A D1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Ánh D, Giàng A D1 trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo nhận tội như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Ánh D, Giàng A D1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Ánh D từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A D1 từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Căn cứ Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Về bồi thường dân sự: Ghi nhận việc anh Giàng A G không yêu cầu bị cáo Giàng A D1 phải trả lại số tiền 50.000 đồng *(Năm mươi nghìn đồng)*.

- Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 01 chiếc xe máy BKS 26D1 – 236.80 cho anh Giàng A S quản lý, sử dụng.

Trả cho bị cáo Lò Ánh D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO.

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì bên trong đựng 02 mảnh nilon màu trắng và vỏ niêm phong ban đầu; 01 phong bì bên trong đựng test thử ma túy đối với Lò Ánh D; 01 phong bì bên trong đựng test thử ma túy đối với Giàng A D1; 01 phong bì bên trong đựng 01 chiếc bật lửa và mảnh giấy bạc.

- Về án phí: Bị cáo Lò Ánh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Giàng A D1.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu luận tội, các bị cáo Lò Ánh D, Giàng A D1 nhất trí với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên toà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Giàng A G, anh Giàng A S đều vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trên đã có lời khai ở giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo; anh Giàng A G không có yêu cầu bồi thường dân sự; anh Giàng A S đã được nhận lại tài sản nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Ánh D, Giàng A D1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai của các bị cáo không có nội dung gì thay đổi, các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do tổ công tác Công an xã C và Đồn Biên phòng Cửa khẩu L lập vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 23/02/2023; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản xác định số lượng, khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; kết luận giám định; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Lò Ánh D, Giàng A D1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy. Ngày 23/02/2023, Lò Ánh D và Giàng A D1 đã có hành vi

tàng trữ, cất giấu trái phép 0,1 gam Methamphetamine và 0,1 gam Heroine, nhằm mục đích cùng nhau sử dụng.

Căn cứ Điều 4 Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma tuý tại một số điều của Bộ luật hình sự thì tổng khối lượng của các chất ma tuý Methamphetamine và Heroine thu giữ của Lò Ánh D và Giàng A D1 là 0,1 gam + 0,1 gam = 0,2 gam.

Do đó, hành vi của các bị cáo Lò Ánh D và Giàng A D1 đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Vì vậy, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Phân hoá vai trò phạm tội trong vụ án: Bị cáo Lò Ánh D là người khởi xướng, rủ rê Giàng A D1 đi mua ma tuý về cùng nhau sử dụng. Bị cáo Giàng A D1 là người bỏ tiền và trực tiếp đi mua ma tuý. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, do đó khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Lò Ánh D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Giàng A D1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, do đó được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo là người có nhân thân xấu, đều là đối tượng nghiện chất ma túy.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo là người nghiện ma tuý, không có tài sản gì có giá trị, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về bồi thường dân sự: Anh Giàng A G đã cho bị cáo Giàng A D1 vay số tiền 50.000 đồng. Quá trình điều tra xác định anh Giàng A G không biết việc Giàng A D1 sử dụng số tiền trên để đi mua ma tuý, do đó không đề cập đến biện pháp xử lý. Anh G không đề nghị Giàng A D1 phải trả lại số tiền 50.000 đồng, xét là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe máy BKS 26D1 – 236.80 đã tạm giữ của Giàng A D1. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy BKS 26D1 – 236.80 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Giàng A S. Ngày 23/02/2023 anh Giàng A S cho Giàng A D1 mượn xe máy để đi làm nương. Việc Giàng A D1 sử dụng chiếc xe máy để đi mua ma tuý anh Giàng A S không biết và không liên quan. Ngày 10/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 01 chiếc xe máy BKS 26D1 – 236.80 cho anh Giàng A S quản lý, sử dụng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO thu giữ của Lò Ánh D. Xét chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của bị cáo Lò Ánh D, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần tuyên trả cho bị cáo D.

Đối với 01 phong bì bên trong đựng 02 mảnh nilon màu trắng và vỏ niêm phong ban đầu; 01 phong bì bên trong đựng test thử ma túy đối với Lò Ánh D; 01 phong bì bên trong đựng test thử ma túy đối với Giàng A D1; 01 phong bì bên trong đựng 01 chiếc bật lửa và mảnh giấy bạc. Xét thấy đây là những vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí:

- Bị cáo Lò Ánh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị cáo Giàng A D1 có yêu cầu được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo Giàng A D1 là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng A D1.

[11] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho Giàng A D1 như D1 khai, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không có căn cứ để điều tra, làm rõ và xử lý.

Về thời hạn tạm giam còn lại của các bị cáo còn dưới 45 ngày, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Ánh D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lò Ánh D 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 23/02/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Giàng A D1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Giàng A D1 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 23/02/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Về bồi thường dân sự:

Ghi nhận việc anh Giàng A G không yêu cầu bị cáo Giàng A D1 phải trả lại số tiền 50.000 đồng *(Năm mươi nghìn đồng)*.

4. Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 01 chiếc xe máy BKS 26D1 – 236.80 cho anh Giàng A S quản lý, sử dụng.

Trả cho bị cáo Lò Ánh D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO.

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì bên trong đựng 02 mảnh nilon màu trắng và vỏ niêm phong ban đầu; 01 phong bì bên trong đựng test thử ma túy đối với Lò Ánh D; 01 phong bì bên trong đựng test thử ma túy đối với Giàng A D1; 01 phong bì bên trong đựng 01 chiếc bật lửa và mảnh giấy bạc.

5. Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Ánh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng chẵn)*.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Giàng A D1.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- CQCSĐT Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA HS;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Trang